

UBND Phường Điện Biên Phủ

Đơn vị: Trường Tiểu học Hà Nội - Điện Biên Phủ

Mã DVQHNS: 1029788

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG - PHỤ CẤP
Tháng 03 năm 2026

TT	Họ và tên	Cấp bậc, chức vụ	Lương hệ số													Thành tiền	BHXH trả thay lương		Các khoản khấu trừ				Thực trả CBCNV
			HS Lương	HS chênh lệch bảo lưu	Lương HD	PC CV	PC KV	PC TN VK		PCTN nghề		PC ưu đãi nghề 50%	PC độc hại	PC trách nhiệm	Cộng HS		BHXH không chi trả 25%	BHXH chi trả 75%	BHXH 8%	BHYT 1,5%	1% BHTN	Cộng BH	
								Tỷ lệ % TN VK	PC TN VK	Tỷ lệ % PC TNN	PC TNN												
1	Lê Thị Nga	H.trưởng	5,02			0,5	0,5			24%	1,325	2,76			10,10	23.645.232			1.281.347	240.252	160.168	1.681.767	21.963.465
2	Nguyễn Thanh Bình	Giáo viên	5,7				0,5			33%	1,881	2,85			10,93	25.578.540			1.419.163	266.093	177.395	1.862.652	23.715.888
3	Cao Thị Dung	Giáo viên	4,98	0,16			0,5	6%	0,30	37%	1,953	2,64			10,53	24.643.373			1.383.774	259.458	172.972	1.816.204	22.827.169
4	Lê Thị Hồng	Giáo viên	5,7				0,5			34%	1,938	2,85			10,99	25.711.920			1.429.834	268.094	178.729	1.876.657	23.835.263
5	Lê Thị Thanh Huệ	Giáo viên	5,7				0,5			29%	1,653	2,85			10,70	25.045.020			1.376.482	258.090	172.060	1.806.632	23.238.388
6	Tông Thị Sớm	Giáo viên	4,98				0,5	6%	0,30	30%	1,584	2,64			10,00	23.404.306			1.284.649	240.872	160.581	1.686.102	21.718.204
7	Hoàng Tiểu Oanh	Giáo viên	4,98				0,5	8%	0,40	30%	1,614	2,69			10,18	23.823.821			1.308.887	245.416	163.611	1.717.915	22.105.906
8	Nguyễn T Thanh Huyền	Tổ phó	4,98			0,15	0,5	5%	0,25	28%	1,506	2,69			10,07	23.574.611			1.288.894	241.668	161.112	1.691.674	21.882.937
9	Trần Thị Ngọc Hối	Tổ trưởng	4,98			0,2	0,5	5%	0,25	28%	1,520	2,71			10,16	23.782.871			1.300.875	243.914	162.609	1.707.399	22.075.472
10	Nguyễn Thị Bình	Giáo viên	4,98				0,5			28%	1,394	2,49			9,36	21.912.696			1.193.288	223.741	149.161	1.566.190	20.346.506
11	Nguyễn Hoài Giang	Giáo viên	4,98				0,5			27%	1,345	2,49			9,31	21.796.164			1.183.965	221.993	147.996	1.553.954	20.242.210
12	Phạm T Như Thủy	Giáo viên	5,02				0,5			25%	1,255	2,51			9,29	21.726.900			1.174.680	220.253	146.835	1.541.768	20.185.133
13	Phạm T Thu Hương	Tổ phó	5,02			0,15	0,5			24%	1,241	2,59			9,50	22.220.172			1.200.102	225.019	150.013	1.575.134	20.645.038
14	Lê Lê Hằng	Giáo viên	4,68				0,5			26%	1,217	2,34			8,74	20.444.112			1.103.881	206.978	137.985	1.448.844	18.995.268
15	Phạm Thị Tâm	Tổ phó	4,68			0,15	0,5			22%	1,063	2,42			8,81	20.609.784			1.103.095	206.830	137.887	1.447.812	19.161.972
16	Lê Thị Thu Hà	Giáo viên	4,68				0,5			22%	1,030	2,34			8,55	20.006.064			1.068.837	200.407	133.605	1.402.849	18.603.215
17	Đoàn Thị Chi	Giáo viên	4,68				0,5			24%	1,123	2,34			8,64	20.225.088			1.086.359	203.692	135.795	1.425.846	18.799.242
18	Lưu Thị Tuyết	Giáo viên	4,68			0,15	0,5			24%	1,159	2,42			8,90	20.835.828			1.121.178	210.221	140.147	1.471.546	19.364.282
19	Nguyễn Thị Vân	Giáo viên	4,68				0,5			22%	1,030	2,34			8,55	20.006.064			1.068.837	200.407	133.605	1.402.849	18.603.215
20	Nguyễn Thị Ca	Giáo viên	4,68				0,5			20%	0,936	2,34			8,46	19.787.040			1.051.315	197.122	131.414	1.379.851	18.407.189
21	Nguyễn T Kim Anh	Hiệu phó	4,68			0,4	0,5			22%	1,118	2,54			9,24	21.615.984			1.160.191	217.536	145.024	1.522.750	20.093.234
22	Phan Thị Thu Hằng	Tổ trưởng	4,68			0,2	0,5			22%	1,074	2,44			8,89	20.811.024			1.114.514	208.971	139.314	1.462.800	19.348.224
23	Nguyễn Quỳnh Giang	Giáo viên	4,00				0,5			19%	0,760	2,00			7,26	16.988.400			891.072	167.076	111.384	1.169.532	15.818.868
24	Trần Thị Định	Giáo viên	4,32				0,5			22%	0,950	2,16			7,93	18.557.136			986.619	184.991	123.327	1.294.937	17.262.199
25	Vũ Hương Giang	Tổ phó	4,34				0,5			20%	0,868	2,17			7,88	18.434.520			974.938	182.801	121.867	1.279.606	17.154.914
26	Nguyễn T Bình Minh	Tổ phó	4,00				0,5			21%	0,840	2,00			7,34	17.175.600			906.048	169.884	113.256	1.189.188	15.986.412
27	Lê Thị Xuân	Giáo viên	4,00				0,5			15%	0,600	2,00			7,10	16.614.000			861.120	161.460	107.640	1.130.220	15.483.780
28	Nguyễn T Minh Huệ	Tổ trưởng	4,34			0,20	0,5			15%	0,681	2,27			7,99	18.698.940			977.371	183.257	122.171	1.282.800	17.416.140
29	Phạm T Ngọc Quỳnh	Giáo viên	4,34				0,5			17%	0,738	2,17			7,75	18.129.852			950.564	178.231	118.821	1.247.615	16.882.237

30	Lương Hồng Yến	Giáo viên	4,34			0,5			22%	0,955	2,17			7,96	18 637 632			991 187	185 847	123 898	1 300 932	17 336 700	
31	Vũ Thị Tuyết	Giáo viên	4,68			0,5			22%	1,030	2,34			8,55	20 006 064			1 068 837	200 407	133 605	1 402 849	18 603 215	
32	Trần Thị Hạnh	Tổ trưởng	4,34		0,2	0,5			21%	0,953	2,27			8,26	19 336 356			1 028 364	192 818	128 546	1 349 728	17 986 628	
33	Đặng Thị Lua	Giáo viên	4,34			0,5			21%	0,911	2,17			7,92	18 536 076			983 062	184 324	122 883	1 290 269	17 245 807	
34	Nguyễn Trung Dũng	Giáo viên	4,34			0,5			21%	0,911	2,17			7,92	18 536 076			983 062	184 324	122 883	1 290 269	17 245 807	
35	Nguyễn Thị Lành	Giáo viên	3,66			0,5			15%	0,549	1,83			6,54	15 301 260			787 925	147 736	98 491	1 034 151	14 267 109	
36	Nguyễn T Mỹ Hương	Hiệu phó	5,36		0,4	0,5			26%	1,498	2,88			10,64	24 891 984			1 358 623	254 742	169 828	1 783 192	23 108 792	
37	Trương Minh Ngọc	Giáo viên	3,33			0,5			10%	0,333	1,67			5,83	13 637 520			685 714	128 571	85 714	899 999	12 737 521	
38	Tạ Thị Lan	Giáo viên	3,33			0,5			10%	0,333	1,67			5,83	13 637 520			685 714	128 571	85 714	899 999	12 737 521	
39	Lò Văn Thanh	Giáo viên	4,00			0,5			15%	0,600	2,00			7,10	16 614 000			861 120	161 460	107 640	1 130 220	15 483 780	
40	Phạm Tuấn Tài	Giáo viên	3,99			0,5			15%	0,599	2,00			7,08	16 575 390			858 967	161 056	107 371	1 127 394	15 447 996	
41	Hoàng T Hồng Hạnh	Giáo viên	3,99			0,5			15%	0,599	2,00			7,08	16 575 390			858 967	161 056	107 371	1 127 394	15 447 996	
42	Vì Thị Thao	Giáo viên	3,99			0,5			15%	0,599	2,00			7,08	16 575 390			858 967	161 056	107 371	1 127 394	15 447 996	
43	Đặng Thu Hằng	Tổ trưởng	3,66		0,20	0,5			14%	0,540	1,93			6,83	15 983 136			823 755	154 454	102 969	1 081 178	14 901 958	
44	Nguyễn Thị Huyền	Giáo viên	3,33			0,5			13%	0,433	1,67		0,3	6,23	14 573 286			704 415	132 078	88 052	924 545	13 648 741	
45	Bùi Thị Hằng	Giáo viên	3,66			0,5			16%	0,586	1,83			6,58	15 386 904			794 776	149 021	99 347	1 043 144	14 343 760	
46	Vũ Thị Tươi	Giáo viên	4,68		0,15	0,5			22%	1,063	2,42			8,81	20 609 784			1 103 095	206 830	137 887	1 447 812	19 161 972	
47	Nguyễn Thanh Liêm	Giáo viên	4,68			0,5			22%	1,030	2,34			8,55	20 006 064			1 068 837	200 407	133 605	1 402 849	18 603 215	
48	Phạm T Phương Dung	Tổ trưởng	3,66		0,2	0,5							0,1	4,46	10 436 400			722 592	135 486	90 324	948 402	9 487 998	
49	Nguyễn Trọng Quyết	Kế toán	3,66			0,5							0,1	4,26	9 968 400			685 152	128 466	85 644	899 262	9 069 138	
50	Lê Thị Tuyền	NV thư viện	3,33			0,5						0,2		4,03	9 430 200			623 376	116 883	77 922	818 181	8 612 019	
51	Đỗ Thị Huế	Y tế	3,06			0,5								3,56	8 330 400			572 832	107 406	71 604	751 842	7 578 558	
	Cộng lương biên chế		225,89	0,16		3,25	25,5		1,49		48,9	108,4	0,2	0,5	414,3	969 390 293	-	-	52 361 217	9 817 728	6 545 152	68 724 097	900 666 196
52	Nguyễn Thị Ngọc	Phục vụ			3 860 000										3 860 000			308 800	57 900	38 600	405 300	3 454 700	
53	Đoàn Văn Hai	Bảo vệ			3 860 000										3 860 000			308 800	57 900	38 600	405 300	3 454 700	
54	Lò Văn La	Bảo vệ			3 860 000										3 860 000			308 800	57 900	38 600	405 300	3 454 700	
	Cộng lương hợp đồng				11 580 000										11 580 000		-	-	926 400	173 700	115 800	1 215 900	10 364 100
	Tổng Cộng		225,89	0,16	11 580 000	3,25	25,5		1,49		48,91	108,36	0,2	0,5	414,3	980 970 293	-	-	53 287 617	9 991 428	6 660 952	69 939 997	911 030 296

Tổng số tiền(viết bằng chữ): Chín trăm mười một triệu, không trăm ba mươi ba nghìn, hai trăm chín mươi sáu đồng chẵn.

KẾ TOÁN



Phạm Thị Phương Dung

Điện Biên Phủ, ngày ... tháng 03 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Nga